TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:60/2020/DS-PT
Ngày 02-6- 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Bình

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLPT-DS, ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc "tranh chấp hợp đồng vay".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST, ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố T có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 102/2020/QĐPT-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2020/QĐ-PT, ngày 07/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2020/QĐ-PT, ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Sơn Thị S, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp n, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn*: Ông Tô Chí M, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh

- Người kháng cáo: Ông Tô Chí M là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2019, nguyên đơn bà Sơn Thị S trình bày: Ngày 05/01/2018 bà có cho ông Tô Chí M vay số tiền 10.000.000 đồng, ông M có viết biên nhận cho bà. Thỏa thuận 15 ngày trả, lãi suất 06%/tháng. Từ khi vay cho đến này ông M trả lãi cho bà tổng cộng bằng 5.800.000 đồng. Bà nhiều lần yêu cầu ông M trả tiền nhưng ông M né tránh không trả. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M trả số tiền gốc bằng 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm, bà đồng ý cấn trừ số tiền 5.800.000 đồng bà đã nhận của ông M.

Theo bị đơn ông Tô Chí M trình bày: Ông M thừa nhận có vay số tiền 10.000.000 đồng và viết biên nhận cho bà S nhưng ông không nhớ ngày, tháng năm nào, lãi suất thỏa thuận 06%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả, quá trình vay ông đã trả cho bà S số tiền 6.000.000 đồng (bốn lần qua đường bưu điện bằng 4.000.000 đồng và một lần bằng 2.000.000 đồng tại Bệnh viện M).

Tại bản án sơ thẩm số 39/2019/DS-ST, ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 244; Điều 217; Điều 218 và Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 429; Điều 463; khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị S.

Buộc ông Tô Chí M phải có nghĩa vụ trả cho bà Sơn Thị S số tiền gốc 5.961.643 đồng (Năm triệu, chín trăm sáu mươi mốt ngàn, sáu trăm bốn mươi ba ngàn).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị S với số tiền 11.838.357 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, ông Tô Chí M kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, ông M không đồng ý chịu án phí sơ thẩm và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tính lãi suất trên số tiền 5.800.000 đồng mà ông đã đưa cho bà Sơn Thị S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát Viên: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc ông Tô Chí M có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền 5.961.643 đồng là đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ, ngày 05/02/2018 bà S cho ông M vay số tiền 10.000.000 đồng có viết biên nhận, ông M cho rằng đã trả cho bà S 6.000.000 đồng chỉ còn lại 4.000.000 đồng, nhưng bà S thừa nhận chỉ nhận của ông M số tiền bằng 5.800.000 đồng, nay bà cũng đồng ý cấn trừ tiền lãi và tiền gốc. Tòa án cấp sơ thẩm khấu trừ tiền lãi của số tiền 10.000.000 đồng, theo quy định thì ông M phải trả cho bà S bằng 1.761.643 đồng trừ vào số tiền 5.800.000 đồng bà đã nhận của ông M, như vậy sau khi trừ đi số tiền gốc, số tiền còn lại ông M phải trả cho bà S bằng 5.961.643 đồng (10.000.000 đồng – 4.038.357 đồng). Do đó, kháng cáo của ông Tô Chí M là không có cơ sở chấp nhận. Về án phí sơ thẩm, tòa án cấp sơ thẩm buộc ông M chịu án phí bằng 298.082 đồng là chưa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử xét thấy:

[01] Về tố tụng, xét đơn kháng cáo của ông Tô Chí M còn trong thời hạn luật định. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm. Nguyên đơn bà Sơn Thị S và bị đơn ông Tô Chí M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[02] Về nội dung vụ án: Bà S khởi kiện yêu cầu ông Tô Chí M trả số tiền vay 10.00.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật, kèm theo đơn khởi kiện bà S cung cấp tờ biên nhận có chữ ký của ông Tô Chí M (bút lục 05). Theo lời khai của ông M thừa nhận có vay tiền và ký biên nhận cho bà S với số tiền 10.000.000 đồng và thỏa thuận lãi suất 06%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả, quá trình vay ông đã trả cho bà S tổng số tiền bằng 6.000.000 đồng (gồm bốn lần chuyển tiền qua bưu điện, ông M cung cấp 04 phiếu chuyển tiền vào tháng 3, tháng 4, tháng 5 và tháng 6 năm 2018, một lần trả 2.000.000 đồng tại Bệnh viện M, không có biên nhận). Bà S thừa nhận có nhận của ông M tổng số tiền 5.800.000 đồng (chuyển qua đường bưu điện 4.000.000 đồng, trả tại Bệnh viện M 1.500.000 đồng và bà nhận trước lãi bằng 300.000 đồng), do đó bà S đồng ý cấn trừ số tiền ông M đã đưa cho bà, số tiền nợ gốc còn lại ông M có nghĩa vụ trả cho bà S.

Xét thấy, việc vay tiền giữa bà S và ông M là vay có thỏa thuận lãi và không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Tuy nhiên, bà S yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự buộc ông M có nghĩa vụ trả lãi cho bà S bằng 10%/năm là đúng quy định, như vậy số tiền lãi của khoảng nợ gốc 10.000.000 đồng (tính từ ngày 05/01/2018 đến ngày 09/10/2019) bằng 1.761.643 đồng. Sau khi cấn trừ tiền lãi và số tiền bà S đã nhận của anh M 5.800.000 đồng, thì anh M còn nợ bà S số tiền gốc bằng 5.961.643 đồng [10.000.000 đồng – (5.800.000 đồng – 1.761.643 đồng)].

[03] Về nội dung kháng cáo: Ông Tô Chí M kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông chịu án phí sơ thẩm là không đúng. Xét thấy, kháng cáo này của ông M là không có căn cứ. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự "*Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm*", ông M không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 12, 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ngoài ra, ông M còn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tính lãi trên số tiền 5.800.000 đồng mà ông đã đưa cho bà S, xét thấy số tiền 5.800.000 đồng ông M đưa cho bà S là để thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bà S, không phải là tiền vay, do đó yêu cầu tính lãi của ông M là không có căn cứ.

[04] Về án phí sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông M chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 298.082 đồng là chưa đúng quy định pháp luật. Theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, số tiền từ 6.000.000 đồng trở xuống án phí bằng 300.000 đồng. Do đó, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm.

[05] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận

[06] Về án phí phúc thẩm: Ông Tô Chí M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sửa bản án sơ thẩm số 39/2019/DS-ST, ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Tô Chí M.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị S.

Buộc ông Tô Chí M phải có nghĩa vụ trả cho bà Sơn Thị S số tiền gốc bằng 5.961.643 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà Sơn Thị S đối với số tiền 11.838.357 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Tô Chí M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Sơn Thị S bằng 445.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002620, ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

4. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Tô Chí M tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0006135, ngày 06/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND TP.Trà Vinh;
- CCTHADS TP.Trà Vinh ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trịnh Hữu Bình